

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 3253/2022/DS-ST

Ngày: 26/8/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Lượng

2/ Bà Bùi Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2021/TLST- DS ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4630/2022/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 5257/2022/QĐST – DS ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Anh N, sinh năm: 1986

Cư trú: 42 Đường 16, Vĩnh Thuận, phường X, thành phố Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trung K, sinh năm 1974

Cư trú: 19 đường Dân Chủ, phường Z, thành phố Y, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1986

Cư trú: Nhà không số Đường 138, khu phố 4, phường R, thành phố Y, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2021, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành

hòa giải được và quá trình tranh tụng tại tòa, ông Lê Trung K là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Võ Anh N và ông Nguyễn Tấn T có mối quan hệ quen biết nên ngày 25 tháng 9 năm 2020 ông N có cho ông T vay số tiền 400.000.000 đ (Bốn trăm triệu đồng). Hai bên có lập giấy mượn tiền ngày 25/9/2020. Thời hạn vay 02 (hai) tháng, không thỏa thuận về lãi suất. Hết thời hạn vay, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận. Ông N đã liên hệ với ông T nhiều lần nhưng ông T cố tình trốn tránh và không trả lại số tiền đã vay của ông N. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Tấn T phải trả lại số tiền đã vay là 400.000.000 đ (Bốn trăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tính từ ngày 26/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm. Khoản tiền ông N cho ông T vay là tài sản riêng của cá nhân ông N. Ông N chỉ cho ông T vay nên ông N chỉ khởi kiện ông Nguyễn Tấn T không liên quan đến vợ ông T là bà Lê Thị T1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Nguyễn Tấn T đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Trung K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Tấn T phải trả lại số tiền đã vay là 400.000.000 đ (Bốn trăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tính từ ngày 26/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/8/2022 với mức lãi suất 10%/năm là 70.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử cần rút kinh nghiệm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Tấn T phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Võ Anh N số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 26/8/2022 là 470.000.000 đ (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng). Trong đó nợ gốc: 400.000.000 đồng, nợ lãi

70.000.000 đồng. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Anh N buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn T phải trả lại số tiền nợ vay thì tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Tấn T cư trú tại địa chỉ nhà không số Đường 138, khu phố 4, phường R, thành phố Y, Thành phố Hồ Chí Minh là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Tấn T vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[1.3] Về tư cách tham gia tố tụng của bà Lưu Anh T2 (vợ của ông Võ Anh N) và bà Lê Thị T1 (vợ của ông Nguyễn Tấn T): Ông Võ Anh N và bà Lưu Anh T2 đều xác định số tiền cho ông Nguyễn Tấn T là tài sản riêng của ông N nên Tòa án không đưa bà T2 vào tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông Võ Anh N cũng xác định ông chỉ cho cá nhân ông Nguyễn Tấn T vay nên ông chỉ yêu cầu ông T trả nợ, không yêu cầu bà Lê Thị T1 cùng trả nợ. Vì vậy, Tòa án không đưa bà T1 vào tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 25/9/2020 ông Nguyễn Tấn T và ông Võ Anh N có lập giấy mượn tiền với nội dung ông Nguyễn Tấn T có vay của ông Võ Anh N số tiền 400.000.000 đ (Bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay là 2 tháng kể từ ngày 25/9/2020 đến ngày 25/11/2020, không có thỏa thuận về lãi suất. Đây là dạng hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi.

[2.1] Xét yêu cầu trả nợ gốc: Trong giấy mượn tiền ngày 25/9/2020 ông Nguyễn Tấn T thừa nhận có mượn của ông Võ Anh N số tiền 400.000.000 đ (Bốn trăm triệu đồng), hẹn đến ngày 25/11/2020 sẽ hoàn trả hết số tiền nợ vay nhưng hết thời hạn trên ông T vẫn chưa trả lại số tiền vay cho ông N là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

ông Võ Anh N, buộc ông Nguyễn Tấn T phải trả cho ông Võ Anh N số tiền nợ gốc 400.000.000 đ (Bốn trăm triệu đồng).

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 26/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/8/2022 với số tiền 400.000.000 đồng x 10%/12 tháng x 21 tháng = 70.000.000 đ (Bảy mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy do các bên xác lập hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi nên khi đến hạn bên vay không trả nợ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Tấn T phải trả cho ông Võ Anh N số tiền lãi là 70.000.000 đ (Bảy mươi triệu đồng).

Tổng số tiền gốc và lãi mà ông Nguyễn Tấn T phải trả cho ông Võ Anh N là 470.000.000 đ (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng).

Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập ông Nguyễn Tấn T đến Tòa án giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật, nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản hoặc chứng cứ, chứng minh cho việc hiện tại ông không còn nợ tiền như đơn khởi kiện của ông Võ Anh N. Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 yêu cầu đòi nợ của ông Võ Anh N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Võ Anh N được chấp nhận nên ông Nguyễn Tấn T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Võ Anh N được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 3 Điều 144; Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 357; Điều 463, Điều 466 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Tấn T phải có nghĩa vụ trả cho ông Võ Anh N số tiền 470.000.000 đ (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng). Trong đó nợ gốc: 400.000.000 đồng, nợ lãi 70.000.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2-/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.800.000 đ (Hai mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng), ông Võ Anh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 10.480.000 đ (Mười triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0059047 ngày 22/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Võ Anh N.

3-/ Quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014”;

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- CCTHADS TP. Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Nguyên Hà

